TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 10-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Bà Nguyễn Thị Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Hưng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2017/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2017/HNGĐ-ST ngày 28.4.2017 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị K – Sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Tạ Đông Q – Sinh năm 1973.

Địa chỉ: đường N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị K – nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị K và ông Tạ Đông Q kết hôn vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận N, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/99, ngày 16/01/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại đường N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp. Ông Q nhiều lần có bạo lực gia đình đới với bà. Vì quá bức xúc nên bà có những tin nhắn với người khác trên mạng thể hiện tình cảm yêu thương để ông Q thấy và nhanh chóng giải quyết ly hôn với bà. Vì sĩ diện nên bà không báo cáo việc ông Q đánh bà với chính quyền địa phương. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc nhau. Nay về tình cảm Bà K xác định không còn yêu thương ông Q nữa nên xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về quan hệ con chung: Bà K xác định giữa bà và ông Q có 02 con chung là cháu Tạ Hoàng P, sinh ngày 16/01/2001 và cháu Tạ Hoàng Như N, sinh ngày 18/06/2005. Khi ly hôn, nguyện vọng của bà là được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định bà và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông Q không có nợ chung.

* Bị đơn ông Tạ Đông Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà K về điều kiện kết hôn, thời điểm và nơi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại đường N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà K không tôn trọng chồng, sống không chung thủy, nhắn tin tình cảm cảm với người đàn ông khác, ông bắt được những tin nhắn tình cảm đó nên tức giận và có đánh bà K nhưng sau đó gia đình 2 bên hòa giải nên ông xóa bỏ hết các chứng cứ mà bà K nhắn tin với người đàn ông khác và không bao giờ đánh đập bà K nữa. Thời gian gần đây bà K khai vợ chồng sống ly thân nhưng thực tế không phải như vậy do ông đang đi học xa ở Huế, cuối tuần mới về nhà với vợ con. Việc đi học ở Huế không có điều kiện kinh tế để giúp cho vợ cũng là một nguyên nhân để mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Tuy nhiên, đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không trầm trọng, ông vẫn còn yêu thương bà K, các con ông

cũng không muốn cha mẹ ly hôn nên xin Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông được đoàn tụ. Ông không đồng ý ly hôn với bà K.

Về quan hệ con chung: Ông Q xác nhận có 02 con chung như bà K trình bày. Vì không muốn ly hôn nên ông không đề cập đến việc ai nuôi con nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nguyện vọng của ông là được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Q xác nhận Ông và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông Q xác nhận Ông và bà K không có nợ chung.

Với nội dung trên, bản án hôn nhân gia đình số: 19/2017/HNGĐ-ST ngày 28.4.2017 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" đối với ông Tạ Đông Q.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 5 năm 2017, bà Huỳnh Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận đơn ly hôn của bà với lý do:

Vợ chồng không còn tình cảm với nhau, thường xuyên xung đột, cãi vả làm ảnh hưởng đến con cái.

Ông Q chửi bới, đánh đập thường xuyên. Trong suốt quá trình tòa án cấp sơ thẩm giải quyết hoàn toàn không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng

Tòa án cấp sơ thẩm xác minh tại Tổ dân phố nhưng không đến trực tiếp mà chỉ điện thoại hỏi rồi ghi lại nhưng nội dung không đúng với sự thật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Tạ Đông Q. Về con chung bà K thống nhất mỗi người nuôi một con chung, bà K nuôi Tạ Hoàng Như N và giao Tạ Hoàng P cho ông Q nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tạ Đông Q không đồng ý với kháng cáo của bà K và đề nghị Hồi đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K. Về con chung, trường hợp Hội đồng xét xử giải quyết cho bà K được ly

hôn thì ông thống nhất với bà K, mỗi người sẽ nuôi một con chung, ông Q nuôi Tạ Hoàng P, bà K nuôi Tạ Hoàng Như N, không ai cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 19/2017/HNGĐ-ST ngày 28.4.2017 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị K và ông Tạ Đông Q kết hôn vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường, quận N, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/99, ngày 16/01/1999. Như vậy, hôn nhân giữa bà K và ông Q là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại đường N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp. Ông Q là người có tính gia trưởng, từ những việc nhỏ nhặt trong gia đình cũng dẫn tới vợ chồng cải vã, gây gỗ và ông Q nhiều lần xúc phạm, bạo lực với bà K. Sự việc như vậy diễn ra trong một thời gian dài nhưng cả hai không tự giải quyết được, gia đình hai bên cũng hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả nên tình cảm vợ chồng giữa bà K đối với ông Q không còn và mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng. Từ năm 2016 đến nay, cả hai đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Từ sau khi bà K gửi đơn ly hôn, mặc dù trình bày mong muốn được đoàn tụ nhưng ông Q không có hành động, phương pháp nào để hóa giải mâu thuẫn xây dựng hạnh phúc gia đình. Ngược lại, từ sau khi Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đến nay, ông Q còn yêu cầu bán nhà để chia tài sản chung của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, cha mẹ ruột bà K đã gửi nhiều đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà K được ly hôn với ông Tạ Đông Q vì ông Q thường xuyên có hành vi bạo hành đối với bà K và đã xúc phạm gia đình bà K nhiều lần, mặc dù đã nhiều lần được gia đình can ngăn, khuyên bảo nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Gia đình bà K không thể nào chấp nhận người con rể như ông Q. Điều này cho thấy ông Q không chỉ có mâu thuẫn với bà K trong quan hệ hôn nhân mà còn có mâu thuẫn sâu sắc với gia đình của bà K làm cho tình cảm giữa 2 vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có cơ sở xác định ông Q có hành vi bạo lực gia đình với bà K, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thấy yêu cầu được ly hôn của bà K là có căn cứ, nên chấp nhận kháng cáo của bà K, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị K đối với ông Tạ Đông Q.

[2] Về con chung

Ông Q và bà K có 02 xác nhận có con chung là: Tạ Hoàng P, sinh ngày 16/01/2001 và Tạ Hoàng Như N, sinh ngày 18/06/2005. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K và ông Q đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu người kia phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà K và ông Q thống nhất, trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì mỗi người sẽ nuôi một con chung, ông Q nuôi con trai là Tạ Hoàng P và bà K nuôi con gái là Tạ Hoàng Như N, không yêu cầu người kia phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung chưa thành niên là quyền và nghĩa vụ của cha và mẹ. Ông Q và bà K đều có nguyện vọng nuôi con, có công việc, thu nhập ổn định. Do vậy, giao cho bà Huỳnh Thị K nuôi con chung Tạ Hoàng Như N, sinh ngày 18/06/2005 và ông Tạ Đông Q nuôi con chung Tạ Hoàng P, sinh ngày 16/01/2001 như sự thống nhất của bà K và ông Q tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với quy định pháp luật. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà K và ông Q xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự.

[4] Về nợ chung: Bà K và ông Q xác định không có nợ chung nên bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K. Tuy nhiên, như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có cơ sở nên không chấp nhận.

[6] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, bà Huỳnh Thị K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị K, sửa bản án sơ thẩm nên bà K không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào 4 Điều 147, Điều 273, khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị K, sửa Bản án hôn nhân gia đình số: 19/2017/HNGĐ-ST ngày 28.4.2017 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị K được ly hôn với ông Tạ Đông Q.

2.2 Về quan hệ con chung: Giao con chung Tạ Hoàng Như N, sinh ngày 18/06/2005 cho bà Huỳnh Thị K, giao con chung Tạ Hoàng P, sinh ngày 16/01/2001 cho ông Tạ Đông Q trực tiếp nuôi đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Bà Huỳnh Thị K và ông Tạ Đông Q có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí

3.1 Án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 200.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001417 ngày 29.11.2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3.2 Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị K không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, hoàn trả cho bà Huỳnh Thị K số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009032 ngày 11.5.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP. Đà Nẵng;*
- *Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;*
- *Chi cục THADS quận Sơn Trà;*
- *Lưu HS, TKT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Hiếu